

**BÁO CÁO**  
**Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018**

Thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018, như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**1. Những kết quả đạt được**

a) Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của cơ quan Trung ương về triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 29/01/2018 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 28/02/2018 về kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật các lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2018; Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 28/9/2018 về thực hiện “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn 2018 – 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Công văn số 302/UBND-NCPC ngày 15/3/2018 về việc triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018.

Căn cứ vào các văn bản của UBND tỉnh các sở, ngành và địa phương đã tổ chức triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức như ban hành kế hoạch theo đúng chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và địa phương để thực hiện tốt công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018.

b) Công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Thực hiện các văn bản của Trung ương, tỉnh đã phổ biến và hướng dẫn nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật đến các sở, ban, ngành cấp tỉnh và địa phương. Đặc biệt, thông qua hoạt động kiểm tra, điều tra khảo sát thực tế



tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực y tế, tài nguyên môi trường, lao động - thương binh và xã hội, đã giúp các cơ quan có liên quan hiểu rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ cũng như hoạt động của công tác này, qua đó đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong thực thi pháp luật và kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

c) Tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Bộ máy tổ chức và đội ngũ công chức được phân công nhiệm vụ thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở các cấp không có sự điều chỉnh tăng về số lượng. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ có Phòng Pháp chế được thành lập tại Sở Công Thương và Sở Giao thông vận tải, 05 cơ quan có công chức chuyên trách về pháp chế, còn lại đều bố trí công chức kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ pháp chế tại cơ quan.

Về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc được các cơ quan, đơn vị trang bị tương đối tốt, đảm bảo yêu cầu hoạt động; máy vi tính được kết nối internet phục vụ công tác tra cứu, cập nhật kịp thời văn bản quy phạm pháp luật.

Về kinh phí trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương như: Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư số 19/2017/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính, tỉnh đã triển khai thực hiện kịp thời, cơ bản áp dụng tương đối hiệu quả.

d) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập đoàn kiểm tra liên ngành công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi thi hành pháp luật các lĩnh vực trọng tâm năm 2018. Sở Tư pháp phối hợp với Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Công an tỉnh thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi

hành pháp luật tại Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; UBND thành phố Rạch Giá, thị xã Hà Tiên, UBND huyện Gò Quao, Tân Hiệp về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực y tế, tài nguyên môi trường, lao động thương binh và xã hội.

Nội dung kiểm tra về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh; phân công công chức, kinh phí, cơ sở vật chất đảm bảo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; việc thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật; việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tình hình tuân thủ pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh.

Kiểm tra các hồ sơ, văn bản, thủ tục hành chính có liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh; giải đáp những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục hành chính về điều kiện đầu tư kinh doanh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh, Sở Tư pháp đã tổ chức khảo sát các đối tượng là công chức, viên chức; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề có liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động, thương binh và xã hội. Nội dung điều tra, khảo sát về tính phù hợp giữa các quy định của pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, y tế, lao động – thương binh và xã hội.

Thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ, Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 29/01/2018 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Trên cơ sở kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện đã xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; tự kiểm tra công tác thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực y tế, tài nguyên môi trường, lao động thương binh và xã hội, tổ chức buổi làm việc với đoàn kiểm tra theo dõi

thi hành pháp luật về lĩnh vực trên chu đáo và hiệu quả. Phối hợp tốt với Sở Tư pháp tổ chức điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh.

## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **a) Tồn tại, hạn chế**

Hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở một số cơ quan, địa phương vẫn chưa thật sự được quan tâm đúng mức; đội ngũ làm công tác này thiếu về số lượng và hạn chế về chất lượng, kỹ năng hoạt động; chức năng, nhiệm vụ của người làm công tác này chưa được quy định cụ thể; nội dung hoạt động theo dõi thi hành pháp luật rộng nên khi thực hiện nhiệm vụ đôi khi còn thiếu sót.

### **b) Nguyên nhân**

Đội ngũ làm công tác theo dõi thi hành pháp luật ở địa phương và đội ngũ công chức pháp chế ở các sở, ban, ngành còn kiêm nhiệm, chưa được tham gia nhiều các lớp tập huấn chuyên sâu về công tác theo dõi thi hành pháp luật do trung ương tổ chức; đồng thời phải thực hiện nhiều công tác khác nên thời gian dành cho nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật chưa nhiều.

## **II. TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **1. Tình hình tổ chức triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

#### ***1.1. Về tổ chức triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật***

Trong năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản đề chỉ đạo, tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương như:

Ngày 05 tháng 10 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 1537/UBND-NCPC về việc triển khai, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 và Khoản 1, Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015. Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 22/01/2018 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 06/7/2018 về triển khai thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Công văn số 921/UBND-NCPC ngày 12/7/2018 về việc triển khai thi hành các văn bản quy định chi tiết

Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước; Công văn số 1401/UBND-KTTH ngày 08/8/2018 về việc thực hiện Nghị quyết số 156/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Công văn số 1272/UBND-VHXH ngày 27/9/2018 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 162/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ để thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và một số các văn bản triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

## ***1.2. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật***

### ***a) Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết***

Trong năm 2018, các ngành của tỉnh đã tham mưu trình Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 56 văn bản quy phạm pháp luật (33 nghị quyết; 23 quyết định); tất cả các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đều được các cơ quan soạn thảo nghiêm túc thực hiện đúng quy trình, đều lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động và được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng tích cực tham gia đóng góp ý kiến 55 văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương.

Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đều ban hành kế hoạch kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật, trong đó công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo đúng quy định tại Chương IX, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản làm căn cứ để rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành việc rà soát các văn bản quy định chi tiết ở địa phương và tham mưu xử lý theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Qua kết quả rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành kịp thời tham mưu ban hành các văn bản quy định chi tiết theo thẩm quyền được giao. Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 29 văn bản quy định chi tiết được Luật và các văn bản dưới Luật giao để triển khai thực hiện tại địa phương (Mẫu số 2). Tuy nhiên, việc tham mưu ban hành văn bản quy định chi tiết nhiều lúc chưa kịp thời để triển khai các văn bản được quy định chi tiết.

b) Tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy định chi tiết

Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh được tuân thủ chặt chẽ theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Các văn bản quy phạm pháp luật trước khi ban hành đều được cơ quan soạn thảo tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan có liên quan và tổng hợp các ý kiến đóng góp vào văn bản, chuyển cho cơ quan Tư pháp thẩm định trước khi ban hành, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy phạm pháp luật khi ban hành.

Việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết ở địa phương luôn chú trọng tuân thủ quy định tại Điều 11 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 “Văn bản quy định chi tiết chỉ được quy định nội dung được giao và không được quy định lặp lại nội dung của văn bản được quy định chi tiết”. Do đó, hầu hết các văn bản quy định chi tiết ở địa phương đảm bảo được tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ với các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên. Tuy nhiên, qua rà soát có 4 văn bản quy định chi tiết có nội dung không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ (Mẫu số 3).

c) Đánh giá chung về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết

- Kết quả đạt được: Nhìn chung, tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết ở địa phương được thực hiện tương đối tốt, chất lượng văn bản ngày càng được nâng lên, đảm bảo các yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Tồn tại, hạn chế: Theo quy định tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

“Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương.

Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.

Tuy nhiên, việc xác định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 là chưa rõ ràng. Trong một số trường hợp, các cơ quan



tham mưu ở địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong việc xác định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân được giao quy định chi tiết hay quy định biện pháp đảm bảo thi hành Luật và văn bản dưới Luật.

Đồng thời, tại Khoản 2, Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết”. Tuy nhiên, hiện nay một số Luật đã được Quốc hội thông qua nhưng các Nghị định, Thông tư quy định chi tiết chưa được ban hành kịp thời nên việc rà soát các văn bản có nội dung giao cho địa phương quy định chi tiết gặp nhiều khó khăn.

Ngoài ra, tại Điều 30 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, quy định Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành nghị quyết, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật giao. Thực tế ở cấp huyện, cấp xã rất khó xác định được thời gian và nội dung Luật giao địa phương thực hiện.

- Nguyên nhân:

Do số lượng văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương quá lớn, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực nên công tác rà soát văn bản chưa đảm bảo được tính kịp thời dẫn đến việc tham mưu ban hành văn bản còn chậm trễ. Đồng thời, một số sở, ngành chưa thực sự quan tâm đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chưa chủ động rà soát, tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định.

## **2. Tình hình bảo đảm điều kiện cho thi hành pháp luật**

### ***2.1. Kết quả theo dõi tính kịp thời, đầy đủ của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật***

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 30/01/2018 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước năm 2018.

Tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai các đạo luật mới được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ tư gồm có: Đại diện Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Kiên Giang, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Báo Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang,

báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh – cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện với 1.500 lượt người tham dự.

Toàn tỉnh đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến được 24.945 cuộc với 747.858 lượt người tham dự, thông qua các hình thức như: Tuyên truyền lồng ghép vào các cuộc họp Tổ nhân dân tự quản, các buổi tiếp dân, hoà giải ở cơ sở, các buổi sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật... Nội dung tuyên truyền chủ yếu là các luật mới và các luật có liên quan đến đời sống, sinh hoạt của Nhân dân như: Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Giao thông đường bộ, Luật An toàn thực phẩm, Luật lâm nghiệp, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các luật tổ chức tín dụng, Luật thủy sản, Luật quản lý nợ công, Luật quy hoạch...

Toàn tỉnh đã thành lập 1.859 tủ sách pháp luật, ngăn sách pháp luật, có 964.783 đầu sách tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, trường học, ấp, khu phố. Trong đó, đã trang bị, khai thác, sử dụng 12 tủ sách tại các ấp đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III (87 đầu sách/tủ), đã tạo thuận lợi cho người dân trong việc tìm hiểu, nghiên cứu các chủ trương chính sách, quy định pháp luật, phục vụ tốt nhu cầu đời sống xã hội, sản xuất kinh doanh của người dân. Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tiếp tục đầu tư thêm nhiều tủ sách mới và lập kế hoạch mua, bổ sung, trang bị những đầu sách pháp luật mới phục vụ công tác chuyên môn, nhu cầu tìm hiểu pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

## ***2.2. Kết quả theo dõi tính phù hợp của tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí cho thi hành pháp luật***

Về tổ chức bộ máy, biên chế: Đội ngũ công chức tham mưu thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật ở địa phương cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Hiện nay, tổng số công chức, viên chức làm công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh là 39 người, trong đó 18 chuyên trách và 21 kiêm nhiệm. Có 07 sở đã giải thể Phòng pháp chế, còn 01 Phòng pháp chế đang hoạt động thuộc Sở Giao thông vận tải (Phòng Pháp chế - An toàn giao thông).

Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đều có bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật theo quy định. Ở cấp xã, công chức Tư pháp - Hộ tịch được giao thực hiện nhiệm vụ soạn thảo, góp ý văn bản quy phạm pháp luật.



Về kinh phí: Thực hiện theo Nghị quyết số 103/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Kinh phí phục vụ cho công tác theo dõi thi hành pháp luật cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

### ***2.3. Đánh giá chung tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật***

Các sở, ban, ngành và địa phương đều có bố trí công chức làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ; kinh phí và cơ sở vật chất, trang thiết bị được phân bổ và sử dụng theo quy định của pháp luật.

Công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện kịp thời, mang lại hiệu quả thiết thực, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ; công chức, viên chức nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; ý thức tuân thủ pháp luật được nâng lên, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị.

Cán bộ phụ trách công tác theo dõi thi hành pháp luật phải xử lý các công việc thuộc nhiều lĩnh vực, có ít thời gian để nghiên cứu sâu về chuyên môn thuộc lĩnh vực theo dõi thi hành pháp luật.

## **3. Tình hình tuân thủ pháp luật**

### ***3.1. Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền***

a) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác thanh tra

Luật Thanh tra và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang pháp lý quan trọng để Thanh tra các cấp, các ngành trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ thanh tra. Nhìn chung, các cuộc thanh tra được tiến hành đảm bảo về trình tự, thủ tục quy định; một số cuộc phát hiện sai phạm lớn, kết luận thanh tra đảm bảo đúng chính sách pháp luật, những kiến nghị của đoàn thanh tra được cơ quan thẩm quyền và đơn vị được thanh tra chấp nhận và thực hiện. Qua thanh tra

góp phần giúp cho đối tượng thanh tra nâng cao hiệu quả hoạt động, chấp hành đúng các quy định của pháp luật, phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tiêu cực, tham nhũng trong nội bộ ngành, địa phương.

Các cơ quan chuyên môn của tỉnh tiến hành 143 cuộc thanh tra, kiểm tra; xử phạt với số tiền là 12.545.163.826 đồng.

b) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thanh tra toàn tỉnh đã tham mưu với Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các sở, ngành cụ thể hóa và chỉ đạo thực hiện nghiêm các Chủ trương, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Bên cạnh đó, Thanh tra tỉnh tích cực tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, hòa giải tranh chấp đất đai cho cán bộ trong ngành và cán bộ chủ chốt ở cơ sở; đồng thời tích cực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho cán bộ và quần chúng nhân dân.

Các cơ quan, địa phương đã thụ lý giải quyết 518 đơn khiếu nại, tố cáo. Trong đó, khiếu nại thụ lý 504 đơn, đã giải quyết 229 đơn, tồn đọng 275 đơn. Tố cáo thụ lý 14 đơn, đã giải quyết 13 đơn, còn tồn 01 đơn.

c) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác giải quyết, xét xử vụ án hành chính

Án hành chính thụ lý năm 2018 là 169 vụ tăng 20 vụ so với năm 2017, giải quyết 127 vụ, đạt 75%, trong đó Tòa án tỉnh giải quyết 88/125 vụ đạt 70%, cấp huyện giải quyết 39/44 vụ đạt 89%.

Qua công tác xét xử sơ thẩm án hành chính có 34 trường hợp Tòa án hai cấp trong tỉnh chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của cá nhân đối với tổ chức (đa số là tổ chức có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất) và cá nhân (người có thẩm quyền ra quyết định cá biệt) tăng 07 trường hợp so với năm 2017.

d) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác bồi thường của Nhà nước

Tiếp tục thực hiện Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 22/01/2018 về triển khai công tác bồi thường nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; thực hiện Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 25/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, để quán triệt triển khai đồng bộ Luật Trách

nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 12/02/2018 về triển khai thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017.

Để nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 22/3/2018 về tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước cho cán bộ, công chức được giao thực hiện công tác bồi thường nhà nước của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; chỉ đạo các sở, ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện Thông tư số 03/2013/TT-BTP ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường; hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường; giải đáp vướng mắc việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thống kê, tổng hợp, báo cáo về công tác bồi thường nhà nước.

Tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường trong lĩnh vực hành chính: Thời gian qua các sở, ngành và địa phương chưa nhận được yêu cầu bồi thường của tổ chức hoặc cá nhân do cán bộ, công chức của đơn vị, địa phương gây thiệt hại trong thi hành công vụ; hai cấp kiểm sát không nhận được đơn yêu cầu bồi thường và không có trường hợp nào bồi thường oan sai trong giải quyết án hình sự.

Trong hoạt động thi hành án dân sự: Số vụ việc yêu cầu bồi thường 04; đã được giải quyết 02; số vụ việc còn tồn đọng chưa được giải quyết 02.

Nhìn chung, công tác bồi thường nhà nước được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo, các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện, tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức và biện pháp thích hợp, cán bộ, công chức, tổ chức, nhân dân tiếp thu và hiểu rõ trách nhiệm, quyền lợi ích hợp pháp của mình, ý thức trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức ngày càng được nâng lên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giải quyết bồi thường còn có những hạn chế, khó khăn như: Nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường đa dạng, có tính chuyên sâu, phức tạp ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân cũng như trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thi hành nhiệm vụ, đòi hỏi cần phải được tập huấn chuyên sâu theo từng lĩnh vực cụ thể về công tác bồi thường; đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác bồi thường hầu hết là kiêm nhiệm, chưa được bổ sung biên chế nên quá trình theo dõi, tiếp nhận, xem xét giải quyết bồi thường còn gặp nhiều lúng túng khi được giao nhiệm vụ; việc lập dự toán ngân sách hàng năm và bố trí kinh phí



đảm bảo thực hiện công tác bồi thường ở địa phương chưa được hướng dẫn kịp thời nên gặp khó khăn trong công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán.

### **3.2. Tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân**

- Tình hình vi phạm pháp luật hình sự (tình hình tội phạm)

Tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm năm 2018 còn diễn biến phức tạp gây bức xúc cho người dân. Số vụ án tranh chấp chủ yếu là về nhà, đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản, nợ hui... án có tính chất phức tạp, khó xác định trong việc đánh giá chứng cứ. Đặc biệt là vụ án tranh chấp hợp đồng góp vốn giữa các đương sự với doanh nghiệp có rất nhiều vấn đề phức tạp xảy ra trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm. Án sơ thẩm cấp tỉnh phần lớn là những vụ án có yếu tố nước ngoài, đương sự là người nước ngoài, phải thực hiện ủy thác tư pháp nên việc giải quyết vụ án kéo dài qua nhiều năm. Án hành chính cũng gia tăng, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, các khiếu kiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất, quyết định xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực thuế, đất đai... Nguyên nhân dẫn đến tình vi phạm và tội phạm là do nhận thức về pháp luật của người dân còn thấp. Một bộ phận người dân coi thường pháp luật, xu hướng trẻ hóa tội phạm đang gia tăng, tội phạm công nghệ thông tin. Công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật cho người dân còn hạn chế, chưa thường xuyên liên tục. Lực lượng chức năng còn mỏng, phương tiện hỗ trợ công tác phát hiện vi phạm hành chính lạc hậu, do vậy chưa đủ phát hiện. Một bộ phận cán bộ tiêu cực, có biểu hiện tham nhũng.

Trong năm đã phát hiện khởi tố 1.215 vụ 1.847 bị can. Diễn biến tội phạm trên các lĩnh vực sau: An ninh quốc gia: Phát hiện khởi tố 01 vụ 01 bị (tăng 01 so với cùng kỳ năm 2017); tội phạm xâm trật tự an toàn xã hội: Phát hiện khởi tố 511 vụ 1.053 bị ( giảm 45 so với cùng kỳ năm 2017); tội phạm kinh tế và sở hữu: Phát hiện khởi tố 537 vụ 575 bị can (tăng 24 so với cùng kỳ năm 2017); tội phạm ma túy: Phát hiện khởi tố 166 vụ 213 bị can. (tăng 01 so với cùng kỳ năm 2017); Tội phạm tham nhũng và chức vụ: Phát hiện khởi tố 0 vụ 5 bị can (tăng, giảm 0 so với cùng kỳ năm 2017).

Viện Kiểm sát đã kiểm sát thụ lý 1.759 tin, trong đó: số mới 1.532 tin (tăng, 37 tin so với cùng kỳ năm 2017). Cơ quan điều tra đã giải quyết 1.451 tin, gồm: khởi tố 864 vụ án, không khởi tố 587 tin (trong đó quyết định không khởi

tổ vụ án chuyển xử lý hành chính 83 tin), tạm đình chỉ giải quyết 92 tin. Còn lại 216 tin, đang xử lý (trong hạn luật định).

Qua kiểm sát đã ban hành kiến nghị yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cùng cấp yêu cầu khắc phục vi phạm trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Kiểm sát 17 cuộc đối với Cơ quan điều tra về công tác giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Qua kiểm sát đã ban hành 09 kết luận, kiến nghị yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cùng cấp khắc phục vi phạm trong việc giải quyết tin báo không kịp thời, trình tự, thủ tục chưa đúng quy định của pháp luật.

Toà án đã xét xử 08 vụ, chấp nhận kháng nghị 08 vụ, Hai cấp Kiểm sát đã phối hợp với Tòa án tổ chức 48 phiên tòa hình sự rút kinh nghiệm; xét xử lưu động 21 vụ án tại nơi gây án nhằm phục vụ yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm ở địa phương.

- Tình hình vi phạm hành chính

Tổng số vụ vi phạm đã phát hiện, xử lý 34.819; số vụ đã xử phạt là 33.066 vụ; chưa xử phạt là 921 vụ; tổng số đối tượng bị xử phạt là 35.259 đối tượng; chuyển xử lý bằng hình thức khác là 148 vụ; tình hình áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính nhắc nhở đối với người chưa thành niên: 684 trường hợp (chủ yếu xảy ra trong lĩnh vực giao thông đường bộ); tổng số tiền phạt thu được: 35.210.644.608đ.

- Tình hình tranh chấp, khiếu kiện của người dân, doanh nghiệp (tình hình giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự)

Tòa án đã giải quyết 6.074 vụ, 535 việc, trong đó: Đưa ra xét xử 1.397 vụ 62 việc, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự 3.142 vụ, 397 việc, đình chỉ 1.535 vụ, 397 việc, tạm đình chỉ 366 vụ, 1 việc. Còn lại 3.003 vụ, 95 việc, trong đó quá hạn 563 vụ, 52 việc.

### **3.3. Đánh giá chung về tình hình tuân thủ pháp luật**

Tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền được thực hiện nghiêm túc và theo đúng quy định của pháp luật. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng quy trình, quy định của pháp luật. Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, cơ quan và người có thẩm quyền đã làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật được hai cấp quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân được nâng lên. Các cơ quan chức năng đã chủ động trong công tác nắm tình hình, phát hiện xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm, góp phần phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, trong công tác phòng chống vi phạm pháp luật và tội phạm còn hạn chế có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, bắt nguồn từ kinh tế, đời sống khó khăn, đạo đức xã hội xuống cấp, công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn thiếu sót, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao, hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm chưa đáp ứng yêu cầu... Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở một số địa phương từng lúc còn hạn chế, chưa đi vào chiều sâu, dẫn đến chất lượng, hiệu quả chưa cao.

Đội ngũ công chức thực thi nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra còn mỏng, thiếu, nên chưa đủ nhân lực đáp ứng yêu cầu thanh tra, kiểm tra thường xuyên nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Phương hướng, giải pháp chủ yếu (đối với công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật)**

##### ***1.1. Phương hướng***

Tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ; Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Thực hiện tốt Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; tăng cường công tác phối hợp tổ chức tiếp xúc cử tri; nâng cao chất lượng tổng hợp, báo cáo ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau các kỳ họp của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; thực hiện tốt vai trò đại diện cử tri, nhân dân để phản ánh, kiến nghị với các cơ quan Nhà nước và

giám sát việc giải quyết, trả lời các kiến nghị cử tri và Nhân dân của các cơ quan chức năng liên quan.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực, ngành quản lý; tăng cường tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

## ***1.2. Giải pháp chủ yếu***

Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng, trách nhiệm của cán bộ, công chức làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

## **2. Đề xuất, kiến nghị**

### ***2.1. Về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật***

a) Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo hướng quy định cụ thể tiêu chí đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân; quy định cụ thể hơn thẩm quyền của cơ quan thực hiện hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật.

b) Đối với Bộ, ngành

Ban hành tiêu chí đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Ban hành quy trình thực hiện công tác điều tra, khảo sát và mẫu điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật ở các lĩnh vực trọng tâm hàng năm.

### ***2.2. Về tình hình thi hành pháp luật***

a) Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương, như sau:

- Giải thích rõ nội hàm của hai từ “chính sách” tại Khoản 1, Điều 2, vì hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đều là giải pháp của Nhà

nước để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn nhằm đạt được những mục tiêu nhất định. Như vậy, giải thích từ ngữ như quy định hiện hành là chưa rõ ràng và rất khó xác định.


- Hướng dẫn cụ thể quy định tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, theo hướng phân biệt nghị quyết quy định chi tiết và nghị quyết quy định biện pháp để đảm bảo thi hành Luật và văn bản dưới luật.

- Bổ sung quy định về quy trình đánh giá tác động của văn bản đối với quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 128 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Hoàn thiện quy định của pháp luật về đánh giá tác động về giới trong văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương.

b) Đối với các Bộ, ngành

Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung thêm mức chi cụ thể để đảm bảo nội dung chi quy định tại Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính về tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, tập hợp, rà soát, đánh giá văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và nội dung chi cho thẩm định báo cáo “đánh giá tác động của chính sách, đánh giá tác động của văn bản” (Khoản 5, Điều 3).

Trên đây là báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2018 gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp./. 

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, nttrng “HT”.



**Đỗ Thanh Bình**



Mẫu số 1

**BẢNG TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG THEO DỐI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT (\*)**

(Kèm theo Báo cáo số 889/BC-UBND ngày 10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề (Tĩnh vực trọng tâm)	Số cuộc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	Số cuộc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật			Ghi chú
				Số thông tin xử lý từ kết quả kiểm tra tình hình THPL	Số thông tin xử lý từ kết quả điều tra, khảo sát tình hình THPL	Số thông tin xử lý từ kết quả thu thập thông tin về tình hình THPL	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8
	Điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực y tế	7	7	4	3	4	
1	Điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường	7	7	4	3	4	
2	Điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực lao động thương binh và xã hội	7	7	4	3	4	
3							



## GIẢI THÍCH MẪU SỐ 1

(\*): Biểu mẫu này áp dụng đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp.

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.

1. Cột (2): Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: Lĩnh vực trọng tâm do Bộ Tư pháp xác định và lĩnh vực do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tự xác định.

Đối với UBND cấp tỉnh: lĩnh vực do Bộ Tư pháp xác định, lĩnh vực do các Bộ, ngành khác xác định được thực hiện trên phạm vi toàn quốc và lĩnh vực do địa phương tự xác định.

2. Cột (3): Chi thông kê số cuộc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định của Nghị định 59/2012/NĐ-CP và Thông tư 14/2014/TT-BTP.

3. Cột (4): Chi thông kê số cuộc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thông qua phiếu khảo sát.

4. Cột (5): Nêu rõ đã xử lý bao nhiêu thông tin từ kết quả của việc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

5. Cột (6): Nêu rõ đã xử lý bao nhiêu thông tin từ kết quả của việc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

6. Cột (7): Nêu rõ đã xử lý bao nhiêu thông tin từ kết quả của việc thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

7. Cột (8): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không đến được thông tin vào các cột trước đó.



Mẫu số 2

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THEO DỜI TÍNH KỊP THỜI, ĐẦY ĐỦ CỦA VIỆC BAN HÀNH  
VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT (\*)**

(Kèm theo Báo cáo số 889/BC-UBND ngày 14/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

ST T	Văn bản được quy định chi tiết			Văn bản quy định chi tiết				Tình trạng hiện nay				Ghi chú
	Tên, số, ký hiệu văn bản	Ngày có hiệu lực	Tổng số nội dung giao quy định chi tiết	Tổng số nội dung đã quy định chi tiết	Tên văn bản quy định chi tiết	Thời gian (theo kế hoạch)	Đã ban hành (Ngày có hiệu lực)	Chưa ban hành	Đang soạn thảo	Thẩm định	Thẩm tra	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13
<b>I. Luật, Pháp lệnh</b>												
<b>NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH</b>												
1	Bộ luật Lao động	01/05/2013	K1, Đ13	1	Nghị quyết số 169/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018		03/08/2018					
2	Luật Ngân sách nhà nước	01/01/2017	Đ69	5	Nghị quyết số 160/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018		03/08/2018					

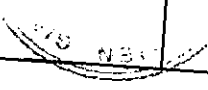


D5.1, 5.3, 5.4 K5, Mục IX, Danh mục Phí, PL số 1		Nghi quyết số 122/2018/NQ- HDND ngày 08/01/2018		18/01/2018									
K4, Mục I, Danh mục Lệ phí, PL số 1		Nghi quyết số 123/2018/NQ- HDND ngày 08/01/2018		18/01/2018									
K2, Mục III, Danh mục Lệ phí, PL số 1		Nghi quyết số 124/2018/NQ- HDND ngày 08/01/2018		18/01/2018									
K2, Mục II, Danh mục Lệ phí, PL số 1		Nghi quyết số 125/2018/NQ- HDND ngày 08/01/2018		18/01/2018									
K3, Mục IX, Danh mục Phí, PL 1		Nghi quyết số 126/2018/NQ- HDND ngày 08/01/2018		18/01/2018									
D1.4, Mục IX, Danh mục Phí, PL 1		Nghi quyết số 127/2018/NQ- HDND ngày 08/01/2018		18/01/2018									

\* [Stamp]

3	Luật Phí và Lệ phí	01/01/2017	K4, Mục VII, Danh mục Phí, PL 1	15	Nghị quyết số 129/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018															
			D1.5, Mục IX, Danh mục Phí, PL 1		Nghị quyết số 130/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018															
			K8, Mục XII, Danh mục Phí, PL 1		Nghị quyết số 131/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018															
			D7.2, K7, Mục IX, Danh mục phí, PL 1		Nghị quyết số 132/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018															
			K3, Mục II, Danh mục lệ phí, PL 1		Nghị quyết số 140/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018															
			K2, K3, Mục I, Danh mục Lệ phí, PL 1		Nghị quyết số 141/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018	18/01/2018															

			D5.2, K5, Mục IX, Danh mục Phí, PL 1		Nghị quyết số 142/2018/NQ- HDND ngày 08/01/2018	18/01/2018												
			D2.1, K2, Mục XII, Danh mục Phí, PL 1		Nghị quyết số 143/2018/NQ- HDND ngày 08/01/2018	18/01/2018												
			K7, Mục I, Danh mục lệ phí, PL 1		Nghị quyết số 144/2018/NQ- HDND ngày 08/01/2018	18/01/2018												
<b>QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>																		
4	Luật Công chúng	01/01/2015	Dđ, đ K1, D70	2	Quyết định số 19/2018/QĐ- UBND ngày 16/7/2018	27/7/2018												
<b>II. Văn bản dưới luật</b>																		
<b>NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH</b>																		
5	Quyết định số 12/2017/QĐ- TTg	10/06/2017	K2, D5	1	Nghị quyết số 157/2018/NQ- HDND ngày 20/7/2017	08/01/2018												



6	Thông tư số 15/2017/TT-BTC	02/04/2017	Da, K1, D8; K1, D9; K1, Da, K2, D10; Dc, K6, D19; K10, D21		Nghị quyết số 161/2018/NQ-HDND ngày 24/7/2018		03/08/2018										
7	Thông tư số 19/2017/TT-BTC	15/04/2017	K1, D6		Nghị quyết số 164/2018/NQ-HDND ngày 24/7/2018		03/08/2018										
8	Thông tư số 63/2017/TT-BTC	15/08/2017	K1, D3		Nghị quyết số 165/2018/NQ-HDND ngày 24/7/2018		03/08/2018										
9	Thông tư số 121/2017/TT-BTC	01/01/2018	K1, D6		Nghị quyết số 162/2018/NQ-HDND ngày 24/7/2018		03/08/2018										
<b>QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>																	
10	Nghị định số 80/2014/ND-CP	01/01/2015	D46	1	Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018		28/01/2018										



11	Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg	01/01/2015	K3, D6	1	Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 23/5/2018	03/06/2018							
12	Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg	25/05/2017	K2, D16	1	Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	20/04/2018							
13	Thông tư số 26/2015/TT-BLDTBXH	01/09/2015	K1, D5	1	Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/6/2018	25/06/2018							
14	Thông tư số 152/2015/TT-BTC	20/11/2015	K5, D6	1	Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 08/6/2018	18/06/2018							
15	Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHDT-BTC-BNV	31/07/2015	D2	1	Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	15/05/2018							

### GIẢI THÍCH MẪU SỐ 2

(\*) Biểu mẫu này áp dụng đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp. Đây là Bảng tổng hợp kết quả theo dõi tình hình ban

- (1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.
1. Cột (2): Ghi tên, số, ký hiệu văn bản.
2. Cột (3): Ghi ngày văn bản bắt đầu có hiệu lực thi hành.
3. Cột (4): Ghi tổng số nội dung giao quy định chi tiết, đồng thời ghi tắt tên điều, khoản giao quy định chi tiết. Ví dụ: K2 D3, K5 D7,...
4. Cột (5): Ghi ghi tổng số nội dung luật, pháp lệnh giao quy định chi tiết đã được quy định chi tiết thành văn bản (ghi cụ thể tên Điều, Khoản, Điểm)



5. Cột (6): Ghi lần lượt từng văn bản quy định chi tiết theo thứ tự hiệu lực từ cao tới thấp.
6. Cột (7): Ghi thời gian ban hành văn bản quy định chi tiết theo kế hoạch. Kế hoạch được hiệu là Kế hoạch ban hành văn bản quy định chi tiết (quy định tại Điều 1 Thông tư 14/2014/TT-BTP) hoặc nội dung về ban hành văn bản quy định chi tiết trong kế hoạch triển khai (chỉ thị hoặc văn bản khác) triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật
7. Cột (8): Đối với văn bản quy định chi tiết đã được ban hành, ghi thời gian bắt đầu có hiệu lực.
8. Cột (9), (10), (11), (12): Đối với văn bản quy định chi tiết chưa được ban hành, đánh dấu (X) vào cột tương ứng với tình trạng hiện nay.
9. Cột (11): Đối với các văn bản không cần thẩm tra thì không cần phải ghi.
10. Cột (13) cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

KIỂM GIẢM

Mẫu số 3

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CỎ NỘI DUNG  
KHÔNG BẢO ĐẢM TÍNH THÔNG NHẤT, ĐỒNG BỘ (\*)**

(Kèm theo Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 11/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

STT	Lĩnh vực	Tên văn bản quy định chi tiết	Điều khoản không bảo đảm tính đồng nhất, đồng bộ	Căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ	Tình trạng xử lý			Ghi chú
					Đã xử lý theo thẩm quyền	Đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	Đã phát hiện nhưng chưa xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9
1	Tài nguyên và Môi trường	Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Khoản 1, Khoản 3, Điều 3	Điều 78 Luật Khoáng sản; Khoản 2, Điều 4 và Điều 12 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP	Thay thế			



2	Tài chính	Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biên đề khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Không ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển hàng năm	Điểm a, Khoản 2, Điều 5; Điểm a, Khoản 3, Điều 10 Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015	Thay thế			
3	Xây dựng	Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Khoản 1, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 4	Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 2, Khoản 3, Điều 103 Luật Xây dựng; Điểm b, Khoản 2, Điều 17 Thông tư số 15/2015/TT-BXD	Sửa đổi, bổ sung			
4	Xây dựng	Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Điểm a, Khoản 2, Điều 1; Không quy định giá tối đa	Luật phí và Lệ phí năm 2015; Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016	Bãi bỏ			

## GIẢI THÍCH MẪU SỐ 3

(\*) Các văn bản quy định chi tiết được đề cập ở Phụ Lục này là: nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.

1. Cột (2): Ghi rõ tên lĩnh vực được xác định trong Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật,

2. Cột (3): Ghi rõ tên, cơ quan, thời điểm ban hành văn bản có chứa quy định không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

3. Cột (4): Nêu rõ tên và nội dung điều, khoản, điểm trong văn bản không đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ.

4. Cột (5): Nêu rõ căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ: trái, mâu thuẫn, chồng chéo với nội dung nào của văn bản làm cơ sở để xem xét, đối chiếu.

5. Cột (6), (7) cần ghi rõ hình thức xử lý: hủy bỏ, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ thi hành.

6. Cột (8): Ghi rõ chưa xử lý theo thẩm quyền hay chưa kiến nghị xử lý.

7. Cột (9): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.



Mẫu số 4

**DANH MỤC VẤN BÀN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CỐ NỘI DUNG  
KHÔNG BẢO ĐẢM TÍNH KHẢ THI (\*)**

(Kèm theo Báo cáo số 88/BC-UBND ngày 10/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Lĩnh vực	Tên văn bản quy định chi tiết	Điều khoản không bảo đảm tính khả thi	Lý do không bảo đảm tính khả thi					Đã xử lý theo thẩm quyền	Tình trạng xử lý	Đã phát hiện nhưng chưa xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý	Ghi chú
				a	b	c	d	đ				
-1	-2	-3	-4	-5					-6	-7	-8	-9
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		



## GIẢI THÍCH MẪU SỐ 4

(\*) Các văn bản quy định chi tiết được đề cập ở Danh mục này là: nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.

1. Cột (2): Ghi rõ tên lĩnh vực được xác định trong Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật.

2. Cột (3): Ghi rõ tên, số, ký hiệu, thời gian hành văn bản có chứa quy định không đảm bảo tính khả thi.

3. Cột (4): Nêu rõ tên và nội dung điều, khoản, điểm trong văn bản không bảo đảm tính khả thi.

4. Cột (5): Đánh dấu vào lý do không bảo đảm tính khả thi được xác định căn cứ vào những tiêu chí lần lượt được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, cụ thể:

a) Sự phù hợp của các quy định với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa và phong tục tập quán;

b) Sự phù hợp của các quy định với điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, nguồn tài chính để thi hành;

c) Sự hợp lý của các biện pháp giải quyết vấn đề và chế tài xử lý;

d) Sự rõ ràng của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và trình tự, thủ tục thực hiện;

đ) Sự rõ ràng, cụ thể của các quy định để có thể thực hiện đúng, hiểu thống nhất, thuận tiện khi thực hiện và áp dụng.

5. Cột (6), (7): Ghi rõ hình thức xử lý: hủy bỏ, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ thi hành.

6. Cột (8): Ghi rõ chưa xử lý theo thẩm quyền hay chưa kiến nghị xử lý.

7. Cột (9) cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không nên được thông tin vào các cột trước đó.



Mẫu số 5

BẢNG TỔNG HỢP VỤ VIỆC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ ĐƯỢC TÒA ÁN, CƠ QUAN

NHÀ NƯỚC CÓ THÂM QUYỀN TIẾP NHẬN, THỤ LÝ, GIẢI QUYẾT (\*)

(Kèm theo Báo cáo số 89/BC-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Lĩnh vực	Tố cáo		Khiếu nại		Tổng số vụ việc vi phạm pháp luật								Ghi chú
		Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13	-14	-15
	Khiếu nại, tố cáo; hành chính; hình sự; dân sự	13	1	229	275	1,215	0	6,074	3,003	0	0	33,066	921	



## GIẢI THÍCH MẪU SỐ 5

\* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chi đạo Sở Tư pháp đề nghị Tòa án nhân dân cùng cấp cung cấp số liệu này.

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.

1. Cột (2) tới cột (11): Ghi rõ số vụ việc tương ứng với từng tiêu chí.

2. Cột (12): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

